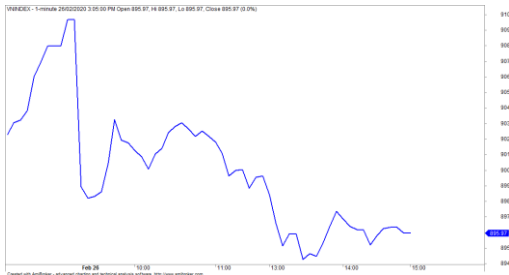


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	895.97	106.61	55.34
% ngày	-1.51%	-0.05%	-0.34%
% tuần	-3.53%	-2.46%	-1.88%
% tháng	-9.63%	0.31%	-1.57%
% năm	-9.23%	-0.98%	-0.43%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	2,777	763	225
TB 1 tuần	3,640	600	242
TB 1 tháng	3,630	494	305
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	345.19	17.45	38.66
Bán	577.86	24.42	47.23
Giá trị ròng	-232.67	-6.97	-8.57
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	96	56	165
Mã Giảm	199	76	85
Không Đổi	95	240	653
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	14.06	9.04	14.44
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,119	201	858
LS Cổ tức	2.52%	5.59%	5.04%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Các chỉ số chứng khoán Việt Nam tiếp tục diễn biến thận trọng nhưng mức độ biến động giảm đã không còn mạnh như trước. Cụ thể, chỉ số VN-Index đóng cửa với mức giảm 1.51% dừng tại 895.97 điểm sát vùng đáy cũ quanh 892 điểm. Chỉ số HNX-Index giảm 0.05% đóng cửa tại 106.61 điểm trong khi Upcom-Index cũng giảm 0.34%. Mặc dù giảm điểm nhưng giá trị giao dịch khớp lệnh tiếp tục suy giảm khi đạt 3,260 tỷ đồng cho thấy lực bán đang có dấu hiệu suy yếu.

Mặc dù giảm điểm nhưng thị trường có sự phân hóa dần tích cực. VN30-Index chỉ còn giảm 0.93% với 6 mã tăng và 22 mã giảm. POW(+2.5%), FPT(+1.9%) là 2 cổ phiếu nổi bật nhất trong VN30-Index. Ngoài ra, TCB(+0.7%) và đồ thị giá đang được hỗ trợ bởi vùng đáy cũ quanh 20,000 đồng/cp. Một số cổ phiếu trụ cột lớn vẫn còn bị bán mạnh như GAS(-3.7%), BID(-3.7%), VNM(-2.8%), VHM(-2.6%), MSN(-1.7%). Nhiều cổ phiếu hồi phục sau giai đoạn giảm sâu vừa qua duy trì nhịp hồi phục như FRT(+2.3%), DRH(+6.5%)...

Trên sàn HNX, SHB tăng kích trần đóng cửa tại 8,000 đồng/cp với hơn 30 triệu cp được chuyển giao.

Khối ngoại tiếp tục động thái bán ròng với giá trị 248 tỷ đồng toàn thị trường. Họ bán ròng chủ yếu tại VNM(69.8tỷ), VCB(37.4 tỷ), HPG(19.1 tỷ). Ở chiều ngược lại, CTG(34 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục giằng co và biến động trong biên độ hẹp ở phiên tới. Đồng thời, thanh khoản giảm đáng kể cho thấy áp lực bán đã có phần giảm sút, nhưng rủi ro của thị trường vẫn ở mức cao và các nhịp hồi phục có thể chỉ diễn ra trong giai đoạn ngắn hạn hoặc sẽ nhanh chóng kết thúc cho nên các nhà đầu tư chưa nên vội tham gia bắt đáy hoặc không thăm dò đáy ở các cổ phiếu đã giảm nhiều. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là ưu tiên giảm tỷ trọng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên chỉ số VN-Index và VN30 với mức kháng cự ở mức 923.42 điểm và 865.53 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn tiếp tục hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị. Đồng thời, chúng tôi nhận thấy cơ hội giải ngân mới vẫn thấp.

**Tỷ trọng cổ phiếu ngắn hạn:** 23% cổ phiếu/77% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	106	108	99	90
Chỉ số VN30	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.60	GIẢM	GIẢM		13.29				13.23		
ACB	24.60	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	22.57	2.50%	
ACV	52.60	GIẢM	GIẢM		57.26				67.00		
ANV	17.50	GIẢM	GIẢM		18.79				21.46		
ASM	5.45	GIẢM	GIẢM		5.78				6.62		
BFC	12.00	TĂNG	GIẢM	11.20	11.45	7.14%			12.24		
BID	47.00	GIẢM	GIẢM		50.84			33.40	49.22	47.36%	
BMP	41.70	GIẢM	GIẢM		44.26				45.49		
BSR	7.40	GIẢM	GIẢM		7.89				8.84		
BVH	55.50	GIẢM	GIẢM		59.50				64.91		
BWE	20.40	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.10	GIẢM	GIẢM		8.66				9.26		
CII	22.30	GIẢM	GIẢM		23.88			26.00	22.83	-12.20%	
CMG	30.00	GIẢM	GIẢM	32.10	30.54	-4.86%	BÁN		34.69		
CMX	12.00	GIẢM	TĂNG		14.07			13.50	8.98	-11.11%	MUA
CSM	15.10	TĂNG	TĂNG	14.70	14.07	2.72%			14.75		
CTD	62.50	GIẢM	TĂNG		68.20			64.20	50.64	-2.65%	MUA
CTG	25.80	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	9.55%	
CTR	45.50	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-5.60%		49.70	40.69	-8.45%	
CVT	19.45	GIẢM	GIẢM		20.27				21.66		
DCM	6.09	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	2.70%		6.18	5.44	-1.46%	MUA
DGC	24.40	GIẢM	GIẢM		25.11				26.93		
DGW	26.60	GIẢM	TĂNG		28.53			25.20	22.97	5.56%	
DHA	31.00	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	-2.67%			32.52		
DHC	35.95	GIẢM	GIẢM		38.58			37.70	36.02	-4.45%	
DHG	97.10	GIẢM	TĂNG		101.23			99.50	88.63	-2.41%	
DIG	12.65	GIẢM	GIẢM		13.44				13.14		
DPG	27.60	TĂNG	GIẢM	28.55	26.85	-3.33%			32.83		
DPM	11.95	GIẢM	GIẢM		12.58				12.75		
DPR	38.40	GIẢM	TĂNG		40.09			41.30	36.21	-7.02%	
DQC	13.90	GIẢM	GIẢM		14.57				16.06		
DRC	22.65	GIẢM	GIẢM		24.08				25.96		
DXG	12.00	GIẢM	GIẢM		12.89				13.70		
EIB	17.25	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-3.09%		18.40	16.46	-6.25%	
FCN	9.31	GIẢM	GIẢM		9.98				10.51		



We Create Fortune

FMC	23.80	GIẢM	GIẢM		25.04			26.56		
FPT	55.00	GIẢM	GIẢM		55.68			56.69		
GAS	79.90	GIẢM	GIẢM		87.20			92.82		
GEX	18.65	GIẢM	GIẢM		19.27			20.60		
GIL	19.15	GIẢM	TĂNG		20.54		18.90	17.41	1.32%	
GMD	18.90	GIẢM	GIẢM		20.03			21.10		
GTN	16.70	GIẢM	GIẢM		18.63			19.23		
GVR	12.10	TĂNG	GIẢM	11.80	10.85	2.54%		12.77		
HAG	3.26	GIẢM	GIẢM		3.49			3.97		
HAX	12.95	GIẢM	GIẢM		13.71			16.38		
HBC	10.20	GIẢM	GIẢM		11.02			12.07		
HCM	17.10	GIẢM	GIẢM		18.60			21.47		
HDB	27.70	GIẢM	TĂNG		29.03		29.95	25.76	-7.51%	
HDC	20.50	GIẢM	GIẢM		21.93			23.28		
HDG	26.70	GIẢM	GIẢM		28.27			29.65		
HNG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.78			14.51		
HPG	22.75	GIẢM	GIẢM		24.10		23.85	23.23	-2.62%	
HSG	7.75	GIẢM	TĂNG		8.29		7.75	7.52	0.00%	
HT1	14.60	GIẢM	TĂNG		14.86		16.90	13.91	-13.61%	
HUT	2.00	GIẢM	GIẢM		2.20			2.58		
HVN	23.10	GIẢM	GIẢM		25.79			30.61		
KBC	14.60	GIẢM	TĂNG		15.21		15.35	14.21	-4.89%	
KDH	24.50	GIẢM	GIẢM		25.00			26.33		
KSB	18.50	GIẢM	TĂNG		19.32			17.89		
LCG	6.30	GIẢM	GIẢM		6.93			7.57		
LDG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.59			7.94		
LHG	14.40	GIẢM	GIẢM		15.17			16.11		
LPB	6.90	GIẢM	TĂNG		7.25		7.40	6.18	-6.76%	MUA
MBB	20.50	GIẢM	GIẢM		21.52			22.70		
MPC	23.50	TĂNG	TĂNG	22.00	22.01	6.82%	24.10	19.14	-2.49%	
MSN	49.75	TĂNG	GIẢM	53.00	49.73	-6.13%		56.41		
MSR	14.70	TĂNG	GIẢM	15.00	13.58	-2.00%		16.05		
MWG	106.20	GIẢM	GIẢM		110.77			118.39		
NDN	15.70	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	1.95%		16.36		
NKG	8.39	GIẢM	GIẢM		8.80			9.51		
NLG	24.70	GIẢM	GIẢM		25.92		28.70	26.30	-8.38%	
NT2	19.75	GIẢM	TĂNG		20.29		20.55	18.73	-3.89%	
NTL	20.70	GIẢM	GIẢM		21.54			23.30		
NVL	53.80	GIẢM	GIẢM		55.72			58.61		

We Create Fortune

OIL	6.90	GIẢM	GIẢM		7.25				8.38		
PAC	23.80	GIẢM	GIẢM		23.97				25.39		
PC1	14.65	GIẢM	GIẢM		15.59				17.81		
PDR	25.90	TĂNG	TĂNG	26.50	25.06	-2.26%		29.00	25.19	-10.69%	
PHR	44.85	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	16.49%			43.76		
PLX	50.10	GIẢM	GIẢM		52.66				55.87		
PNJ	83.00	GIẢM	GIẢM		85.68				89.93		
POW	10.20	GIẢM	GIẢM		10.58				11.22		
PVT	12.30	GIẢM	GIẢM		13.24				14.77		
PPC	28.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	4.48%		28.40	24.39	-1.41%	
PTB	64.00	GIẢM	GIẢM		67.27				72.44		
PVB	15.00	GIẢM	GIẢM		16.33				18.89		
PVD	12.20	GIẢM	GIẢM		13.28				14.83		
PVI	31.20	TĂNG	GIẢM	32.00	31.05	-2.50%			33.18		
PVS	15.40	GIẢM	GIẢM		16.52				18.18		
PXS	5.40	GIẢM	TĂNG	5.90	5.44	-7.86%	BÁN	6.20	4.92	-12.90%	
QNS	26.30	GIẢM	TĂNG		27.54			29.50	26.05	-10.85%	MUA
REE	34.10	GIẢM	GIẢM		35.35				36.65		
SAB	177.00	GIẢM	GIẢM		188.02				214.45		
SAM	9.69	GIẢM	TĂNG		10.23			7.40	8.86	30.95%	
SCR	5.16	GIẢM	GIẢM		5.55				5.86		
SHI	8.73	GIẢM	TĂNG		9.13			6.99	8.30	24.89%	
SJS	20.50	TĂNG	TĂNG	16.90	19.05	21.30%		17.00	15.29	20.59%	
SKG	10.40	GIẢM	GIẢM		11.23				12.46		
SSI	16.10	GIẢM	GIẢM		17.13				19.29		
STB	11.20	GIẢM	TĂNG		11.67			10.20	10.14	9.80%	
TCB	22.35	GIẢM	GIẢM		23.03				23.81		
TCM	18.25	GIẢM	GIẢM		20.00			20.65	18.90	-8.47%	
TDH	9.85	GIẢM	GIẢM		10.05				10.67		
TLH	3.25	GIẢM	GIẢM		3.54				4.00		
TNG	13.80	GIẢM	TĂNG		15.14			15.50	13.32	-10.97%	
VCB	85.00	GIẢM	GIẢM		89.47			62.00	86.74	39.90%	
VCG	24.30	GIẢM	GIẢM		24.48				26.88		
VCS	67.00	GIẢM	GIẢM		72.70				77.55		
VGC	18.30	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	1.10%			18.80		
VGT	8.20	GIẢM	TĂNG		8.81			9.10	7.69	-9.89%	
VHC	32.00	GIẢM	GIẢM		34.89				38.00		
VHM	80.90	GIẢM	GIẢM		85.91				91.72		
VIB	17.80	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	-2.20%		17.70	16.56	0.56%	



We Create Fortune

VIC	105.90	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-3.73%		112.00	117.72	5.11%	BÁN
VIP	5.14	GIẢM	TĂNG		5.32			5.54	4.85	-7.22%	MUA
VJC	125.00	GIẢM	GIẢM	131.20	125.42	-4.40%	BÁN		136.53		
VND	13.65	GIẢM	TĂNG		14.33			14.70	13.53	-7.14%	
VNG	17.05	GIẢM	GIẢM		18.20				20.46		
VNM	105.00	GIẢM	GIẢM		110.55				116.15		
VPB	28.30	GIẢM	TĂNG		29.41			21.90	22.87	29.22%	
VPI	41.95	TĂNG	TĂNG	42.45	41.79	-1.18%		41.30	40.58	1.57%	
VRC	6.95	GIẢM	GIẢM		7.54				9.77		
VRE	29.00	GIẢM	GIẢM		30.98				33.88		
VSC	24.40	GIẢM	GIẢM		25.40			27.00	24.46	-9.40%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	24.60	GIẢM	TĂNG		26.21			24.00	22.57	2.50%	
BID	47.00	GIẢM	GIẢM		50.84			33.40	49.22	47.36%	
BSR	7.40	GIẢM	GIẢM		7.89				8.84		
BVH	55.50	GIẢM	GIẢM		59.50				64.91		
CTG	25.80	GIẢM	TĂNG		26.93			23.55	24.15	9.55%	
FPT	55.00	GIẢM	GIẢM		55.68				56.69		
GAS	79.90	GIẢM	GIẢM		87.20				92.82		
GEX	18.65	GIẢM	GIẢM		19.27				20.60		
GVR	12.10	TĂNG	GIẢM	11.80	10.85	2.54%			12.77		
HDB	27.70	GIẢM	TĂNG		29.03			29.95	25.76	-7.51%	
HNG	13.40	GIẢM	GIẢM		13.78				14.51		
HPG	22.75	GIẢM	GIẢM		24.10			23.85	23.23	-2.62%	
HVN	23.10	GIẢM	GIẢM		25.79				30.61		
KDH	24.50	GIẢM	GIẢM		25.00				26.33		
MBB	20.50	GIẢM	GIẢM		21.52				22.70		
MSN	49.75	TĂNG	GIẢM	53.00	49.73	-6.13%			56.41		
MWG	106.20	GIẢM	GIẢM		110.77				118.39		
NVL	53.80	GIẢM	GIẢM		55.72				58.61		
OIL	6.90	GIẢM	GIẢM		7.25				8.38		
PLX	50.10	GIẢM	GIẢM		52.66				55.87		
PNJ	83.00	GIẢM	GIẢM		85.68				89.93		
POW	10.20	GIẢM	GIẢM		10.58				11.22		

We Create Fortune

QNS	26.30	GIẢM	TĂNG		27.54			29.50	26.05	-10.85%	
REE	34.10	GIẢM	GIẢM		35.35				36.65		
ROS	7.50	GIẢM	GIẢM		9.04				11.75		
SBT	21.80	TĂNG	TĂNG	18.50	20.99	17.84%		17.50	17.78	24.57%	
SSI	16.10	GIẢM	GIẢM		17.13				19.29		
STB	11.20	GIẢM	TĂNG		11.67			10.20	10.14	9.80%	
TCB	22.35	GIẢM	GIẢM		23.03				23.81		
TPB	20.75	GIẢM	GIẢM		21.48				23.94		
VCB	85.00	GIẢM	GIẢM		89.47			62.00	86.74	39.90%	
VCG	24.30	GIẢM	GIẢM		24.48				26.88		
VCS	67.00	GIẢM	GIẢM		72.70				77.55		
VEA	41.00	GIẢM	GIẢM		43.14				59.45		
VGI	27.90	GIẢM	TĂNG		29.76			28.30	21.71	-1.41%	
VHM	80.90	GIẢM	GIẢM		85.91				91.72		
VIB	17.80	TĂNG	TĂNG	18.20	17.71	-2.20%		15.00	16.56	18.63%	
VIC	105.90	TĂNG	GIẢM	110.00	104.03	-3.73%			117.72		
VJC	125.00	GIẢM	GIẢM	131.20	125.42	-4.40%	BÁN		136.53		
VNM	105.00	GIẢM	GIẢM		110.55				116.15		
VPB	28.30	GIẢM	TĂNG		29.41			21.90	22.87	29.22%	
VRE	29.00	GIẢM	GIẢM		30.98				33.88		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.60	GIẢM	GIẢM		13.29			13.30	13.23	-0.51%	MUA
ANV	17.50	GIẢM	GIẢM		18.79				21.46		
ASM	5.45	GIẢM	GIẢM		5.78				6.62		
BMI	22.30	GIẢM	GIẢM		23.32				26.38		
BMP	41.70	GIẢM	GIẢM		44.26				45.49		
BWE	20.40	GIẢM	GIẢM		21.82				22.61		
CEO	8.10	GIẢM	GIẢM		8.66				9.26		
CII	22.30	GIẢM	GIẢM		23.88			26.00	22.83	-12.20%	
CRE	22.30	GIẢM	GIẢM		22.91				23.88		
CTI	22.10	TĂNG	GIẢM	22.20	20.20	-0.45%			23.07		
CTR	45.50	TĂNG	TĂNG	48.20	44.29	-5.60%		43.70	40.69	4.12%	
D2D	61.30	TĂNG	GIẢM	54.90	58.12	11.66%		64.00	62.57	-2.24%	MUA
DBD	48.00	GIẢM	GIẢM		50.99				60.29		

We Create Fortune

DCM	6.09	TĂNG	TĂNG	5.93	6.00	2.70%		6.18	5.44	-1.46%	
DGW	26.60	GIẢM	TĂNG		28.53			25.20	22.97	5.56%	
DHC	35.95	GIẢM	GIẢM		38.58			37.70	36.02	-4.45%	
DIG	12.65	GIẢM	GIẢM		13.44			13.20	13.14	-0.44%	MUA
DPG	27.60	TĂNG	GIẢM	28.55	26.85	-3.33%			32.83		
DPM	11.95	GIẢM	GIẢM		12.58				12.75		
DRC	22.65	GIẢM	GIẢM		24.08				25.96		
DXG	12.00	GIẢM	GIẢM		12.89				13.70		
E1VFN30	14.05	TĂNG	GIẢM	14.68	13.84	-4.29%			15.42		
FCN	9.31	GIẢM	GIẢM		9.98				10.51		
FLC	3.76	GIẢM	GIẢM		4.02				4.74		
GEG	22.20	GIẢM	GIẢM		23.97				26.69		
GMD	18.90	GIẢM	GIẢM		20.03				21.10		
GTN	16.70	GIẢM	GIẢM		18.63				19.23		
HAG	3.26	GIẢM	GIẢM		3.49				3.97		
HBC	10.20	GIẢM	GIẢM		11.02				12.07		
HCM	17.10	GIẢM	GIẢM		18.60				21.47		
HDC	20.50	GIẢM	GIẢM		21.93				23.28		
HDG	26.70	GIẢM	GIẢM		28.27				29.65		
HPX	26.70	GIẢM	#N/A		27.82			35.30	#N/A	#N/A	
HSG	7.75	GIẢM	TĂNG		8.29			7.75	7.52	0.00%	
HT1	14.60	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-13.61%	
HTM	16.30	GIẢM	TĂNG		18.59			20.00	15.34	-18.50%	
IBC	20.80	TĂNG	GIẢM	20.80	20.32	0.00%			21.22		
IDI	4.07	GIẢM	GIẢM		4.27				4.85		
IJC	13.05	GIẢM	GIẢM		13.95				15.38		
ITA	2.22	GIẢM	GIẢM		2.41				2.57		
KBC	14.60	GIẢM	TĂNG		15.21			14.85	14.21	-1.66%	
KDC	18.40	GIẢM	GIẢM		18.85				20.24		
KOS	26.90	GIẢM	TĂNG		28.97			26.30	26.55	2.28%	
KSB	18.50	GIẢM	TĂNG		19.32			19.10	17.89	-3.14%	MUA
LDG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.59				7.94		
LPB	6.90	GIẢM	TĂNG		7.25			7.40	6.18	-6.76%	
MBG	14.90	GIẢM	GIẢM		18.72				26.71		
MBS	11.10	GIẢM	GIẢM		12.07				13.68		
MPC	23.50	TĂNG	TĂNG	22.00	22.01	6.82%		24.10	19.14	-2.49%	
NBB	19.00	GIẢM	GIẢM		20.14				22.02		
NKG	8.39	GIẢM	GIẢM		8.80				9.51		



We Create Fortune

NLG	24.70	GIẢM	GIẢM		25.92			26.28	26.30	0.06%	BÁN
NT2	19.75	GIẢM	TĂNG		20.29			20.55	18.73	-3.89%	
NTL	20.70	GIẢM	GIẢM		21.54				23.30		
NVB	8.90	GIẢM	TĂNG		9.35			8.50	8.62	4.71%	
OGC	3.21	GIẢM	GIẢM		3.48				3.80		
PC1	14.65	GIẢM	GIẢM		15.59				17.81		
PDR	25.90	TĂNG	TĂNG	26.50	25.06	-2.26%		23.59	25.19	9.77%	
PHR	44.85	TĂNG	TĂNG	38.50	43.83	16.49%		47.20	43.76	-4.98%	MUA
PPC	28.00	TĂNG	TĂNG	26.80	26.96	4.48%		28.40	24.39	-1.41%	
PTB	64.00	GIẢM	GIẢM		67.27				72.44		
PVD	12.20	GIẢM	GIẢM		13.28				14.83		
PVI	31.20	TĂNG	GIẢM	32.00	31.05	-2.50%			33.18		
PVS	15.40	GIẢM	GIẢM		16.52				18.18		
PVT	12.30	GIẢM	GIẢM		13.24				14.77		
QCG	3.74	GIẢM	GIẢM		3.79				4.13		
SCR	5.16	GIẢM	GIẢM		5.55				5.86		
SGP	6.30	GIẢM	GIẢM		6.78				7.68		
SHB	8.00	TĂNG	TĂNG	8.00	7.57	0.00%	MUA	7.10	6.09	12.68%	
SHS	6.90	GIẢM	GIẢM		7.17				7.73		
SZC	17.00	GIẢM	GIẢM		18.11				17.81		
TCH	36.55	GIẢM	GIẢM		41.14			26.15	40.21	53.76%	
TCM	18.25	GIẢM	GIẢM		20.00			20.65	18.90	-8.47%	
TDH	9.85	GIẢM	GIẢM		10.05				10.67		
TNG	13.80	GIẢM	TĂNG		15.14			15.50	13.32	-10.97%	
TTB	3.33	GIẢM	GIẢM		3.77				5.49		
VGC	18.30	TĂNG	GIẢM	18.10	17.65	1.10%			18.80		
VGT	8.20	GIẢM	TĂNG		8.81			9.10	7.69	-9.89%	
VHC	32.00	GIẢM	GIẢM		34.89				38.00		
VND	13.65	GIẢM	TĂNG		14.33			14.70	13.53	-7.14%	
VNG	17.05	GIẢM	GIẢM		18.20				20.46		
VPI	41.95	TĂNG	TĂNG	42.45	41.79	-1.18%		41.30	40.58	1.57%	



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	6.80	GIẢM	GIẢM		7.35				8.20		
AGR	3.30	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-8.33%			3.77		
AMD	1.99	GIẢM	GIẢM		2.26				2.28		
APG	9.72	GIẢM	TĂNG		10.78			9.90	9.37	-1.82%	
ART	2.20	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	-4.35%	
BCG	6.19	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-6.07%			7.34		
C4G	5.60	GIẢM	GIẢM		6.28				6.98		
C69	6.70	TĂNG	GIẢM	6.30	6.45	6.35%			10.52		
CCL	5.84	GIẢM	GIẢM		6.49				7.40		
CVT	19.45	GIẢM	GIẢM		20.27				21.66		
DAH	8.70	GIẢM	GIẢM		9.01				10.27		
DLG	1.79	GIẢM	GIẢM		2.04				2.21		
DRH	5.22	TĂNG	TĂNG	3.63	4.25	43.80%		4.70	4.24	11.06%	MUA
DTD	10.80	TĂNG	GIẢM	10.80	10.36	0.00%			11.67		
EVG	2.39	TĂNG	GIẢM	2.55	2.27	-6.27%			2.74		
FIT	7.49	GIẢM	GIẢM		8.99				9.74		
FTM	1.99	TĂNG	GIẢM	1.84	1.91	8.15%			2.92		
FUES SV50	12.30	GIẢM	GIẢM		12.40				12.91		
GKM	15.40	TĂNG	TĂNG	15.00	15.27	2.67%		14.90	14.87	3.36%	
HAH	10.70	GIẢM	GIẢM	11.00	10.70	-2.73%	BÁN		11.79		
HAI	2.53	GIẢM	GIẢM		2.86				3.33		
HAR	3.15	GIẢM	GIẢM		3.43				4.02		
HDA	8.00	GIẢM	GIẢM		8.52				9.98		
HHP	12.60	GIẢM	GIẢM		12.89				13.13		
HHS	4.01	GIẢM	TĂNG		4.53			3.36	3.61	19.35%	
HID	2.45	TĂNG	TĂNG	2.36	2.36	3.81%		2.63	2.16	-6.84%	
HII	13.90	TĂNG	TĂNG	9.61	12.65	44.64%		11.00	8.94	26.36%	
HQC	1.05	GIẢM	GIẢM		1.10				1.15		
HSL	5.72	GIẢM	GIẢM		6.32				7.43		
HUT	2.00	GIẢM	GIẢM		2.20				2.58		
HVG	7.21	GIẢM	TĂNG		7.65			3.90	6.94	84.87%	
HVH	10.75	GIẢM	GIẢM	12.00	10.92	-8.99%	BÁN		14.11		
IDJ	18.30	TĂNG	TĂNG	9.20	13.77	98.91%		7.20	7.27	154.17%	
JVC	3.43	GIẢM	GIẢM		3.65				3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	TĂNG	TĂNG	1.60	1.28	-12.50%		1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.30	GIẢM	GIẢM		6.93				7.57		
LGL	5.90	GIẢM	GIẢM		6.58				7.56		
LHG	14.40	GIẢM	GIẢM		15.17				16.11		
LMH	2.07	GIẢM	GIẢM		2.59				4.48		
MST	6.50	GIẢM	TĂNG		6.87			3.40	4.69	91.18%	
NDN	15.70	TĂNG	GIẢM	15.40	14.89	1.95%			16.36		
PHC	10.55	GIẢM	GIẢM		10.91				11.50		
PLP	9.10	TĂNG	GIẢM	10.05	8.61	-9.45%			10.52		
PVB	15.00	GIẢM	GIẢM		16.33				18.89		
PVC	6.20	TĂNG	GIẢM	6.50	6.08	-4.62%			6.78		
PVX	0.90	GIẢM	GIẢM		1.17				1.30		
PXL	8.80	TĂNG	TĂNG	8.10	7.88	8.64%		6.70	6.66	31.34%	
SHI	8.73	GIẢM	TĂNG		9.13			5.77	8.30	51.43%	
SJF	1.60	GIẢM	GIẢM		1.77				2.06		
SPP	1.60	GIẢM	GIẢM		1.73				2.15		
TDC	8.10	GIẢM	GIẢM		8.42				8.84		
TIG	7.30	TĂNG	TĂNG	6.40	6.73	14.06%		3.20	5.54	128.13%	
TLH	3.25	GIẢM	GIẢM		3.54				4.00		
TNA	18.25	TĂNG	GIẢM	19.40	17.61	-5.93%			21.92		
TNI	10.05	GIẢM	TĂNG		10.28			10.90	9.99	-7.80%	
TSC	2.07	GIẢM	GIẢM	2.40	2.07	-13.55%	BÁN		2.94		
TTF	2.75	TĂNG	GIẢM	2.58	2.64	6.59%		2.85	2.83	-0.79%	MUA
TTH	2.40	GIẢM	GIẢM		2.72				2.88		
TVC	28.50	GIẢM	TĂNG		31.33			14.30	21.79	99.30%	
VC3	16.30	GIẢM	GIẢM		16.83			22.00	16.32	-25.80%	
VCR	12.60	TĂNG	TĂNG	9.40	11.64	34.04%		12.90	12.09	-2.33%	MUA
VNA	2.80	TĂNG	GIẢM	3.10	2.70	-9.68%			3.80		
VNE	3.64	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	6.95	GIẢM	GIẢM		7.54				9.77		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	895.97	-1.51%	HNI	106.61	-0.05%	UPCoM	55.34	-0.34%
VN30	841.68	-0.93%	HN30	185.99	0.83%			
VN Mid	869.77	-1.12%	VNX	800.81	-1.09%			
VN Small	720.13	-0.90%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	345.19		Mua	17.45		Mua	38.66	
Bán	577.86		Bán	24.42		Bán	47.23	
GT ròng	-232.67		GT ròng	-6.97		GT ròng	-8.57	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	3400	6.90%	SHB	700	9.59%	GVR	900	8.04%
GAB	5500	6.32%	IDJ	1600	9.58%	HND	600	3.77%
DBD	1600	3.45%	SHS	200	2.99%	LPB	200	2.99%
TDH	250	2.60%	VCG	100	0.41%	BSR	200	2.78%
POW	250	2.51%	NVB	0	0.00%	PXL	200	2.33%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FIT	-560	-6.96%	MBG	-1600	-9.70%	DVN	-200	-1.53%
DCL	-1350	-6.35%	TIG	-300	-3.95%	SIP	-1100	-1.42%
TCH	-2200	-5.68%	AMV	-500	-2.86%	EVF	-100	-1.16%
AST	-3500	-5.57%	IDC	-400	-2.17%	QNS	-200	-0.75%
GTN	-800	-4.57%	TNG	-300	-2.13%	NTC	-200	-0.12%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	358,199		ACB	40,750		ACV	114,734	
VCB	315,255		SHB	14,043		VEA	54,359	
VHM	266,122		VCG	10,734		MCH	47,899	
BID	189,035		VCS	10,720		GVR	47,384	
VNM	182,845		PVS	7,361		BCM	25,454	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	8,581,260	9,692,142	SHB	32,112,742	11,999,670	VIB	1,730,855	1,396,203
CTG	6,475,730	9,523,385	ACB	9,059,324	4,936,135	BSR	1,556,840	1,489,570
MBB	5,183,630	8,455,183	SHS	8,677,734	603,483	GVR	1,274,143	601,138
SBT	4,556,300	1,890,952	TIG	2,998,583	895,929	ACV	821,710	165,500
HPG	4,502,880	7,692,215	NVB	2,980,800	2,131,443	PXL	590,834	286,067

Nguồn: Bloomberg & YSVN

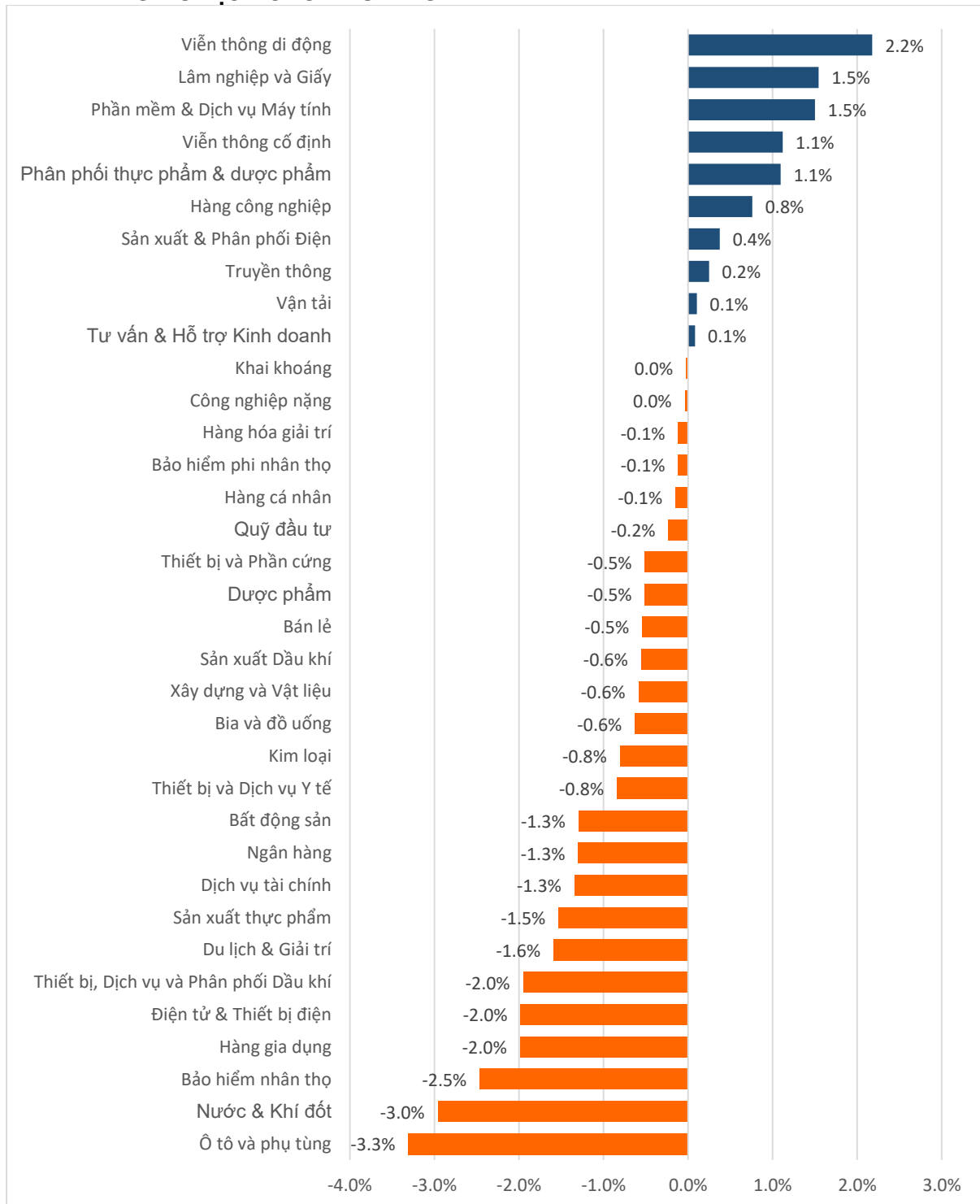
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



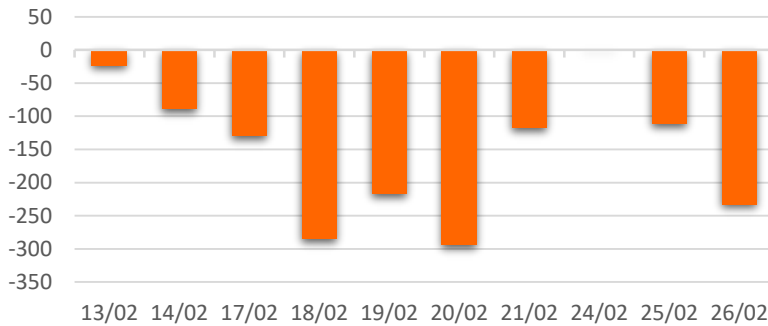
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THÔNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

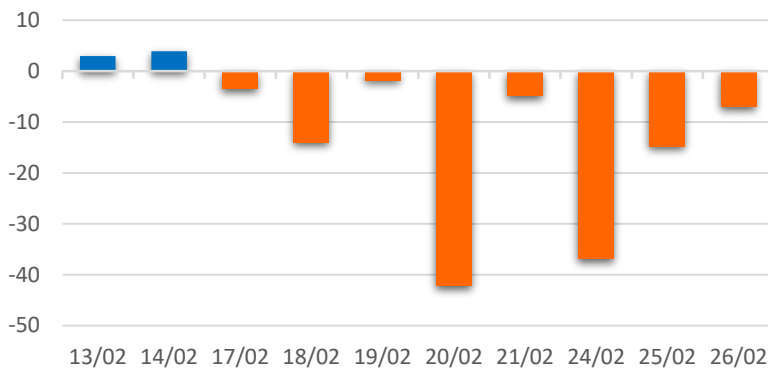
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
CTG	34,084	VNM	69,832
SBT	6,168	VCB	37,415
SAB	3,778	HPG	19,161
HDB	1,972	VHM	19,124
PPC	1,569	MSN	14,493

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

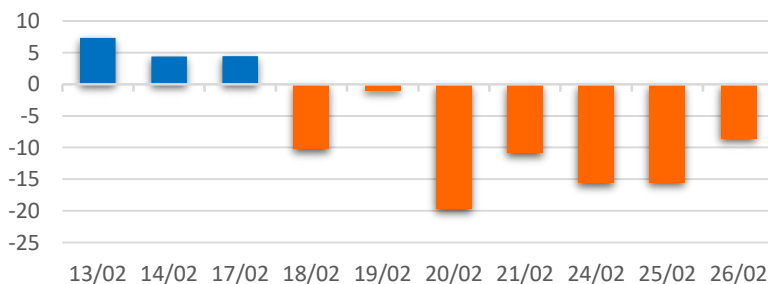
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	476	TIG	4,162
SLS	460	SHB	2,565
VCG	183	APS	660
DHT	94	SHS	300
NBC	59	IVS	283

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	305	ACV	4,756
KHD	56	CTR	709
BMF	14	VEA	676
ABI	14	LTG	580
FOC	13	PXL	567

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



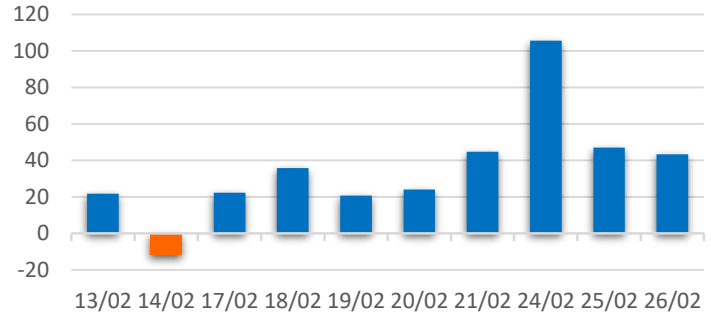
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

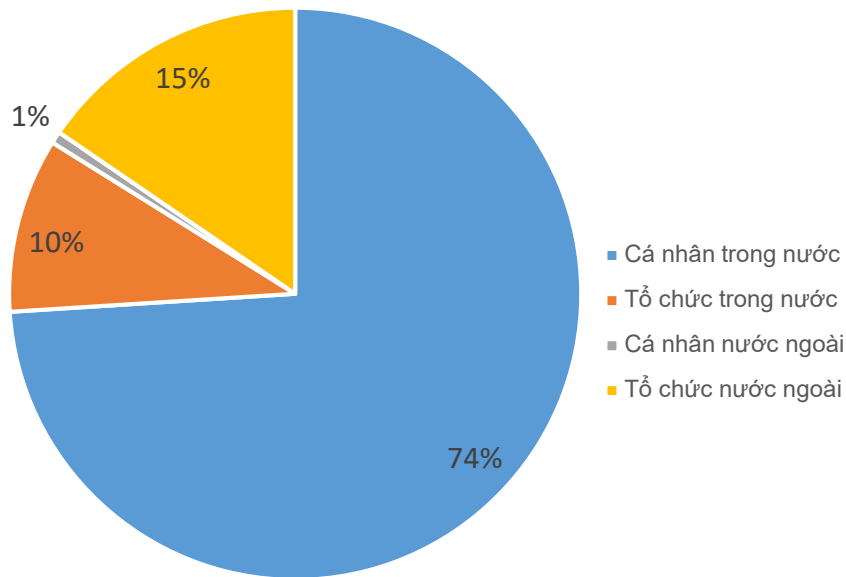
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCB	37,764	MBB	20,966
MWG	25,210	MWG	18,280
FPT	7,666	FPT	6,859
PLX	6,484	VNM	6,072
E1VFN30	5,387	TCB	5,762

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

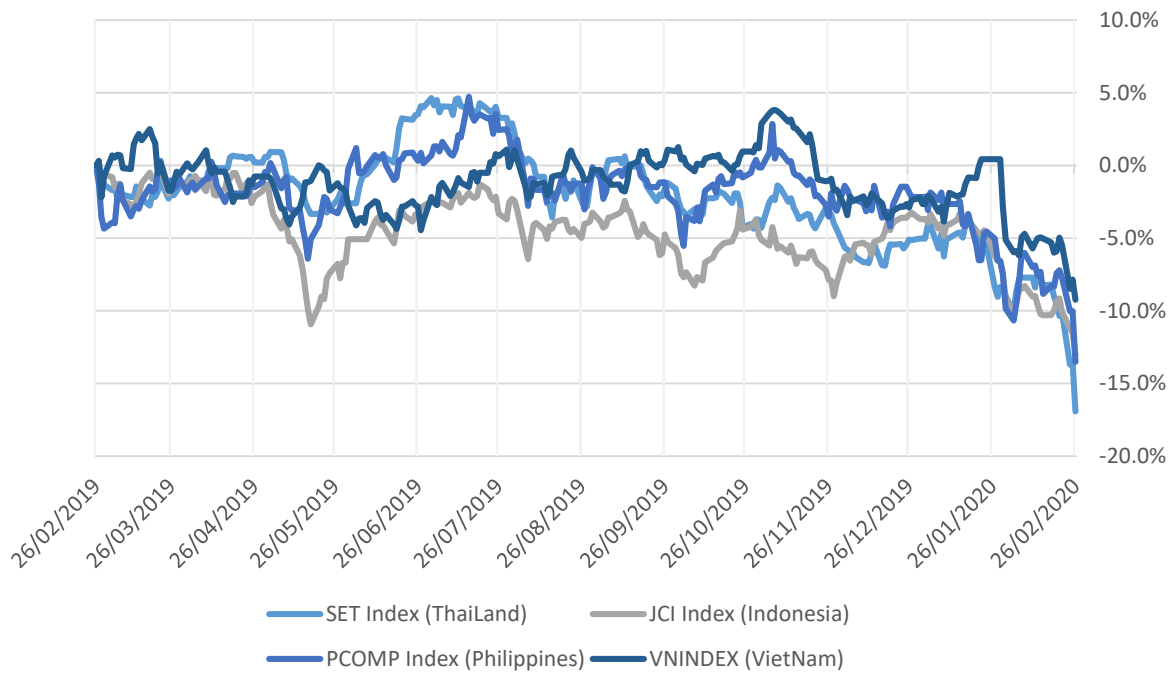


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

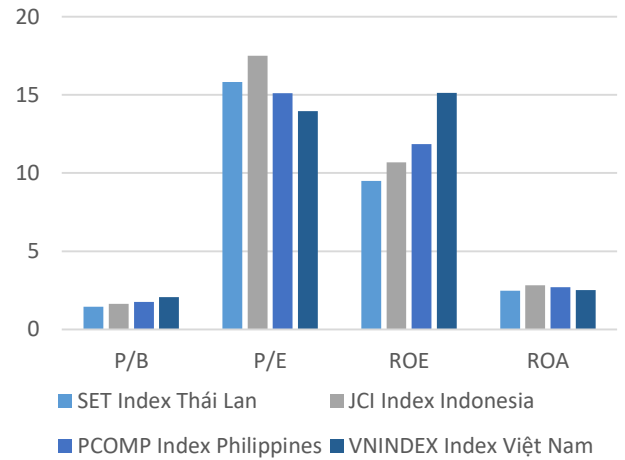
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.5x	1.6x	1.8x	2.1x
P/E		15.9x	17.5x	15.1x	13.9x
ROE	%	9.50	10.69	11.85	15.13
ROA	%	2.48	2.82	2.71	2.52
Vốn hóa	Tỷ USD	484.29	481.95	175.17	133.99
GTGD	Triệu USD	2.21	0.32	0.07	0.13
LS cổ tức	%	3.77	2.65	1.80	2.23

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Lý Thị Hiền**

**Trưởng phòng NC-PT**

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Mạnh Hoạt**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Đinh Thị Thu Cúc**

**Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu**

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written